HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

CREDIT ACTIVITIES AND BUSINESS PERFORMANCE OF VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS

Phùng Thị Lan Hương

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 12/03/2022, chấp nhận đăng ngày 30/03/2022

Tóm tắt: Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh doanh quốc tế, hoạt động kinh doanh của các ngân hàng chịu sự tác động của cả yếu tố bên trong và bên ngoài ngân hàng. Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại có tác động đáng kể tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại.

Từ khóa: Hoạt động tín dụng, hiệu quả hoạt động, ngân hàng thương mại.

Abstract: In the context of globalization and international business integration, business activities of banks are affected by both internal and external factors. Credit activities are one of the basic activities of commercial banks that have a significant impact on the business performance of commercial banks.

Keywords: Credit activities, business performance, commercial bank.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiệu quả hoạt động kinh doanh là mục tiêu sống còn mà các NHTM Việt Nam. Trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh doanh quốc tế, hoạt động kinh doanh các ngân hàng chịu sự tác động của cả yếu tố bên trong và bên ngoài ngân hàng. Hoạt động tín dụng là một trong những hoạt động cơ bản của ngân hàng thương mại có tác động đáng kể tới hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1 Hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại

Tín dụng là một thỏa thuận dưới dạng hợp đồng trong đó người đi vay nhận được một số vốn sẽ trả lại người cho vay vào một ngày trong tương lai kèm theo lãi suất.

Hoạt động tín dụng của ngân hàng là hoạt động trực tiếp tạo ra lợi nhuận. Đối với các ngân hàng thương mại thì hoạt động tín dụng rất đa dạng về sản phẩm như tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, tín dụng cho khách hàng cá nhân, tín dụng cho hộ gia đình hay các dự án đầu tư. Với mỗi sản phẩm tín dụng cũng như với mỗi đối tượng có những mức lãi suất khác nhau để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Đối với các NHTM hoạt động cho vay là hoạt động chính, chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu các hoạt động của ngân hàng. Hoạt động tín dụng là hoạt động chứa đựng nhiều rủi ro vì vậy việc đảm bảo hiệu quả hoạt động cho vay, duy trì mức an toàn vốn, thu hút khách hàng và cuối cùng là hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng là mục tiêu của tất cả các NHTM Việt Nam.

Đo lường hoạt động tín dụng của ngân hàng thương mại sử dụng tổng hợp các chỉ tiêu bao gồm quy mô cho vay, tốc độ tăng trưởng tín dụng, cơ cấu tín dụng, tỷ lệ nợ xấu,...

2.2. Hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại

Tiếp cận khái niệm hiệu quả là việc sử dụng các nguồn lực để tối đa hóa quá trình sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Đối với một hệ thống kinh tế, một hệ thống được xem là hiệu quả nếu hệ thống này có thể cung cấp nhiều hơn hàng hóa và dịch vụ cho xã hội mà sử dụng ít tài nguyên hơn. Một quan niệm khác về hiệu quả là việc đo lường về sự thích hợp của các mục tiêu được chọn và mức độ chúng được thực hiện. Như vậy, hiệu quả là phép so sánh giữa kết quả đạt được với mục tiêu đúng đắn đã đặt ra

Hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại biểu hiện bằng lợi nhuận của ngân hàng đạt được trong một thời kỳ nhất định. Hiệu quả hoạt động của ngân hàng thương mại được đo lường thông qua một số chỉ tiêu cơ bản như: suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA), suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE). Suất sinh lời tổng tài sản là một chỉ tiêu phản ánh tính hiệu quả của việc quản lý các tài sản của ngân hàng. Đây là chỉ tiêu phản ánh năng lực quản trị công ty trong quá trình chuyển tài sản của ngân hàng thành lợi nhuận ròng. Chỉ tiêu ROA thấp cho thấy hiệu quả hoạt động của ngân hàng kém, lợi nhuận không bù đắp được chi phí. Trái lại chỉ tiêu ROA cao phản ánh hiệu quả hoạt động cao cùng với hoạt động cho vay của ngân hàng tốt, cơ cấu tài sản ngân hàng hợp lý.

Chỉ tiêu tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là một chỉ tiêu đo lường mức sinh lời cho chủ sở hữu, cho các cổ đông của ngân hàng và tiêu chí quan trọng nhất đối với nhà đầu tư. Tiêu chí này thể hiện thu nhập mà các cổ đông nhận được từ việc đầu tư vào ngân hàng (Rose, 2004, Sander và các cộng sự, 2006).

3. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

3.1. Hoạt động tín dụng của các NHTM Việt Nam

Quy mô tín dụng cùa các NHTM Việt Nam liên tục gia tăng trong thời kỳ 2017-2021 với tốc độ tăng bình quân 12%. Cùng với quy định của NHNN về giảm cho vay và đầu tư các lĩnh vực có mức độ rủi ro cao như cho vay để kinh doanh bất động sản, giảm tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn từ 60% về 50% vào năm 2017 và về 40% từ năm 2018. Cùng với yêu cầu các ngân hàng áp dụng chuẩn Basel 2 vào năm 2020 định lương mức độ rủi ro cho các hoạt động đã tác động đáng kể tới hoạt động tín dụng của các NHTM Việt Nam. Tuy nhiên năm 2017 đến 2021 tăng trưởng tín dụng vẫn duy trì 12.54%. Nhóm NHTMNN vẫn dẫn đầu mức tăng trưởng tín dụng như VCB với mức bình quân 14.95%, tiếp theo BIDV là 11.58%. Trong năm 2021, Ngân hàng BIDV là ngân hàng dẫn đầu thị phần tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam, với tỷ lệ 13% dư nợ tín dụng của toàn bộ nền kinh tế. Nhóm NHTM CP đại diện là Techcombank, VPB mặc dù quy mô tín dụng khiêm tốn hơn nhóm Big Four nhưng cũng đạt sự gia tăng đáng kể về tín dụng lần lượt là 21.2% và 18.2% (bảng 3.1).

Bảng 1. Dư nợ tín dụng của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	*Ngân hàng*	*2017*	*2018*	*2019*	*2020*	*2021*
1	VCB	535321	621573	724290	820545	934774
2	BIDV	855536	976334	1102366	1195240	1325578
3	Vietinbank	782385	851918	922325	1002772	1104873
4	Agribank	864115	992787	1103552	1189500	1258482
5	Techcombank	158964	157554	227885	275310	343606
6	VPB	179519	218395	253100	286319	345600
	Cộng	**3375840**	**3818561**	**4333518**	**4769686**	**5312913**

(Nguồn Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam 2017-2021)

Dưới tác động đại dịch Covid-19 có tác động đáng kể tới hoạt động tín dụng của các NHTM Việt Nam. Giãn cách xã hội do dịch Covid-19 đã làm giảm sút tiêu dùng của dân cư và gián đoạn hoạt động sản xuất cũng như xuất khẩu. Bản thân các doanh nghiệp nhỏ và vừa là lực lượng bị ảnh hưởng lớn nhất của dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh khó khăn khiến nhiều doanh nghiệp ngừng hoạt động. Các NHTM Việt Nam thận trọng hơn và giảm tỷ trọng cho vay phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ, tập trung vào cho vay các doanh nghiệp lớn. Nhu cầu tín dụng suy giảm, mặc dù nhiều gói hỗ trợ tín dụng với gói lãi suất được ưu đãi được đưa ra, do nhu cầu vay vốn mở rộng sản xuất kinh doanh bị hạn chế trong thời điểm dịch. Để đề phòng rủi ro, các ngân hàng không hạ tiêu chuẩn cho vay, siết chặt việc cung ứng vốn ra thị trường để giữ chất lượng tài sản không giảm sút trong thời kỳ khó khăn. Mặc dù dư nợ tín dụng của các NHTM Việt Nam có sự tăng trưởng song tỷ lệ tín dụng trên tổng tài sản của các NHTM Việt Nam có sự giảm sút mạnh trong năm 2021 đặc biệt với BIDV giảm 3.48%, Agribank giảm 2.15%. Riêng VCB tăng mạnh hơn 5.44% (bảng 3.2).

Bảng 2. Tỷ lệ tín dụng/Tổng tài sản

Đơn vị tính:%

TT	*Ngân hàng*	*2017*	*2018*	*2019*	*2020*	*2021*
1	VCB	51.71	63.79	65.84	70.09	75.53
2	BIDV	72.75	75.30	74.97	80.06	76.88
3	Vietinbank	71.45	82.69	82.77	83.00	80.85
4	Agribank	74.98	77.41	75.99	75.85	75.36
5	Techcombank	59.01	49.83	60.15	63.13	61.06
6	VPB	64.63	68.66	68.18	69.40	64.88

(Nguồn Báo cáo tài chính các NHTM Việt Nam 2017-2021)

Mức độ an toàn hoạt động tín dụng thể hiện thông qua tỷ lệ nợ xấu. Hậu quả của đại dịch trong 2 năm qua làm cho tỷ lệ nợ xấu của của các NHTM hiện nay có xu hướng tăng lên từ mức 1.76% lên mức 1.92%. Vietinbank và Agribank là 2 ngân hàng lớn có mức gia tăng tỷ lệ nợ xấu lần lượt là 32.6% và 13.4 % vào cuối năm 2021. Nhóm NHTMCP như Techcombank, VPbank có mức gia tăng 40.4% và 32.6%.

Trong điều kiện diễn biến phức tạp của tình hình đại dịch, tác động của yếu tố bên ngoài quốc gia như chiến tranh ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động cho vay của các NHTM Việt Nam. Để phòng chống những ảnh hưởng đó các NHTM Việt Nam trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 14 của NHNN. Nhóm NHTMNN như Vietcombank đã trích lập dự phòng tới 100% (bảng 3.3).

Bảng 3. Tỷ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính:%

TT	*Ngân hàng*	*2017*	*2018*	*2019*	*2020*	*2021*
1	VCB	1.11	0.95	0.78	0.62	0.63
2	BIDV	1.61	1.9	1.74	1.76	0.98
3	Vietinbank	1.13	1.59	1.16	0.95	1.26
4	Agribank	1.54	1.51	1.46	1.64	1.86
5	Techcombank	1.61	1.75	1.33	0.47	0.66
6	VPB	3.39	3.5	3.42	3.41	4.47

(Nguồn Báo cáo thường niên các NHTM Việt Nam 2017-2021)

3.2. Hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam

Hiệu quả hoạt động của các NHTM Việt Nam thể hiện thông qua chỉ tiêu suất sinh lời trên tổng tài sản hay mức sinh lời trên tổng tài sản (ROA) gia tăng liên tục từ 2017-2021 từ mức 0.74% lên mức 0.98% năm 2021. Riêng năm 2020, do những khó khăn về dịch bệnh, kết quả kinh doanh hoạt động hệ thống ngân hàng có sự giảm sút to tới 25.7% (đạt 0.75% năm 2020). Đối với chỉ tiêu này nhóm NHTM nhà nước luôn thấp hơn nhóm NHTMCP. Cụ thể năm 2021, ROA của nhóm NHTM nhà nước là 0.66%, nhóm NHTMCP đạt 0.78%. Ngân hàng Vietcombank vẫn là ngân hàng có mức ROA cao nhất trong nhóm NHTM nhà nước đạt 1.6% vào năm 2021 và BIDV là ngân hàng có ROA thấp nhất.

Chỉ tiêu ROA của các ngân hàng thương mại nhà nước là thấp, bởi vì đây là bốn ngân hàng có tổng có tổng tài sản lớn trong hệ thống ngân hàng thương mại của Việt Nam, vì vậy ROA là nhỏ, tức là mức sinh lời trên tổng tài sản là nhỏ. Điều này là hoàn toàn phù hợp đối với các ngân hàng khi mở rộng quy mô kinh doanh thì cơ hội lựa chọn các dự án tốt là khó. Nhóm NHTPCP đại diện Techcombank và VPBank nỗ lực kiểm soát chi phí, thực hiện chương trình số hóa đã thúc đẩy sự gia tăng lợi nhuận của ngân hàng, đưa ngân hàng dẫn đầu nhóm NHTMCP trên thị trường. Năm 2021, ROA của VPBank tăng 15.48% so với năm 2020, Techcombank tăng 10.9%. Techcombank là ngân hàng đánh giá cao nhất trong một trong nhóm các ngân hàng được đánh giá do tổ chức tổ chức xếp hạng tín nhiệm Standard & Poor's (S&P's) bình chọn vì mức sinh lời bền vững (bảng 3.4).

Bảng 4. Tỷ lệ lợi nhuận thuần trên tổng tài sản (ROA) của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

TT	*Ngân hàng*	*2016*	*2017*	*2018*	*2019*	*2020*	*2021*
1	VCB	0.94	1.00	1.38	1.61	1.45	1.6
2	BIDV	0.67	0.60	0.48	0.79	1.06	0.64
3	Vietinbank	1.00	0.90	0.59	0.6	0.47	0.98
4	Agribank	0.36	0.35	0.45	0.81	0.81	0.69
5	Techcombank	1.5	2.6	2.9	2.9	3.1	3.58
6	VPB	1.9	2.3	2.2	2.4	2.2	2.44

(Nguồn Báo cáo thường niên của VCB, BIDV, Vietinbank , Techcombank, Vpbank, 2017-2020)

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên VCSH hay mức sinh lời trên VCSH của hệ thống ngân hàng Việt Nam có giảm sút trong thời kỳ 2017-2021 với mức giảm bình quân tuyệt đối 0.455%. Nhóm NHTM nhà nước có sự giảm bình quân tuyệt đối 0.28% so với nhóm NHTMCP gần như không thay đổi. Tương tự như đối với chỉ tiêu ROA, chỉ tiêu ROE năm 2020 toàn hệ thống giảm 3.86%, nhóm NHTM nhà nước giảm 4.81%, nhóm NHTMCP giảm 4.27%. Ngân hàng BIDV mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu liên tục giảm trong thời kỳ 2017-2020. Nhóm NHTM nhà nước vẫn duy trì mức suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu ở mức cao như VCB, Agribank. Nhóm NHTMCP như Teachcombank mặc dù gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu thông qua việc kêu gọi vốn đầu tư song vẫn có sự có sự gia tăng ROE (bảng 3.5).

Bảng 5. Tỷ lệ lợi nhuận thuần trên vốn chủ sở hữu (ROE) của các NHTM Việt Nam

Đơn vị tính: %

TT	*Ngân hàng*	*2016*	*2017*	*2018*	*2019*	*2020*	*2021*
1	VCB	14.78	18.09	25.46	25.88	20.53	20.83
2	BIDV	14.80	14.20	14.23	12.66	9.07	12.57
3	Vietinbank	11.60	12.02	8.25	13.07	16.81	15.74
4	Agribank	7.45	8.2	9.92	17.6	18.8	15.6
5	Techcombank	17,5	27,7	21,5	17,8	18.3	21.52
6	VPBANK	25.7	24.4	20.7	21.5	24.6	16.96

(Nguồn Báo cáo thường niên của VCB, BIDV, Vietinbank, Agribank, Techcombank, VPB 2017-2021)

4.ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VỚI HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Các NHTM Việt Nam đều có sự tăng trưởng về tín dụng ở các mức độ khác nhau. Cho vay bán lẻ có sự gia tăng cùng với sự phát triển cả các công ty tài chính. Đây là yếu tố làm gia tăng thu nhập ngoài lãi của các NHTM Việt Nam. Tăng trưởng tín dụng của các NHTM đã gắn liền với chất lượng nợ, kiểm soát được nợ quá hạn.

Nguồn vốn tín dụng của các NHTM Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các DN trong quá trình sản xuất kinh doanh cũng như của cả nền kinh tế.

Các NHTM Việt Nam đã chủ động trong hoạt động kinh doanh, xây dựng cơ chế lãi suất tín dụng phù hợp với từng nhóm khách hàng, từng dự án hay phương án kinh doanh.

Công tác thẩm định cho vay đối với khách hàng được củng cố và nâng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng cũng như các yêu cầu trong công tác quản trị rủi ro của ngân hàng.

Thu nhập ngoài lãi của các ngân hàng thương mại bắt đầu tăng mạnh, chiếm 24% tổng thu nhập của toàn ngành ngân hàng. Đây là yếu tố trong chiến lược gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam dưới tác động rào cản của gia tăng tín dụng của các NHTM bị hạn chế. Nhóm NHTMCP có quy mô nhỏ, gia tăng tỷ lệ tín dụng trên tổng tài sản, đạt hiệu quả hoạt động ấn tượng. Nhóm NHTMCP trung bình như Techcombank, VPbank cải thiện được chất lượng tài sản có sự tăng trưởng mạnh trong hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, nhóm NHTM NN có nhiều khách hàng lớn, số lượng khách hàng lớn cần đẩy mạnh hỗ trợ khách hàng mạnh như giảm lãi suất theo chỉ đạo của ngân hàng nhà nước dẫn tới nguy cơ nợ xấu cao. Quá trình chuyển đổi số kém linh hoạt hơn dẫn tới chi phí hoạt động cao làm nguyên nhân dẫn tới hiệu quả hoạt động giảm sút so với nhóm NHTMCP.

Sở dĩ hoạt động cho vay cùng với hiệu quả hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại Việt Nam chưa đạt được sự kỳ vọng là hoạt động tín dụng của ngân hàng vẫn được thực hiện ở một số ngành nghề có mức độ rủi ro cao. Đối với khách hàng cá nhân có quy mô khoản vay nhỏ nhưng việc tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp này vẫn còn gặp nhiều khó khăn như: các khoản vay yêu cầu giá trị tài sản thế chấp cao, năng lực tài chính của các đối tượng khách hàng này khó chứng minh. Mức độ phong phú và bao phủ các sản phẩm tín dụng còn hạn chế.

Các NHTM Việt Nam chưa xây dựng quy trình cho vay tiếp cận với thông lệ quốc tế, còn có khoảng trống, rủi ro lớn.

5. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG VỚI VIỆC NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Tăng trưởng tín dụng là một trong những biện pháp gia tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của NHTM Việt Nam. Quy mô tín dụng gia tăng cùng với sự gia tăng tổng tài sản thúc đẩy tăng trưởng thu nhập từ lãi cho vay của ngân hàng sẽ tăng lên. Để tăng quy mô tín dụng các NHTM Việt Nam cần có chiến lược sản phẩm phù hợp với từng nhóm khách hàng, từng đối tượng. Bên cạnh đó việc mở rộng kênh phân phối sản phẩm tín dụng, đa dạng hóa khách hàng nhằm tăng cường cạnh tranh trong việc cung ứng dịch vụ của ngân hàng.

Các NHTM Việt Nam cần đưa ra chính sách lãi suất hợp lý phân khúc cho từng nhóm khách hàng. Cần có sự thay đổi tỷ trọng tín dụng với nhóm khách hàng nhỏ, khách hàng cá nhân, khách hàng là các SME với mức lãi suất cao hơn đối với đối tượng tín dụng là khách hàng lớn.

Xử lý nợ xấu là một trong những biện pháp gia tăng hiệu quả hoạt động của NHTM Việt Nam. Các NHTM Việt Nam cần xây dựng một cơ chế định giá các khoản nợ xấu một cách công khai và minh bạch. Các NHTM Việt Nam có thể chuyển các khoản nợ thành vốn cổ phần đồng thời thực hiện việc tái cơ cấu đối với ngân hàng và doanh nghiệp.

Ngoài ra các NHTM Việt Nam cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ với doanh nghiệp trong việc khơi thông nguồn vốn, phát hành trái phiếu, thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp để có thể tiếp tục thực hiện nghĩa vụ hoàn trả nợ vay cho ngân hàng.

Việc tăng cường công tác giám sát hoạt động tín dụng của các NHTM Việt Nam thông qua việc NHNN thanh tra thực hiện các quy định về tín dụng, quản lý rủi ro, nợ xấu. Bên cạnh đó Nhà nước có những công cụ tổng hợp ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tiêu dùng trong nước, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, thúc đẩy xuất khẩu của doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh nhằm tạo đà cho sự phát triển của nền kinh tế trong đó có sự phát triển của hệ thống ngân hàng.

6. KẾT LUẬN

Hiệu quả hoạt động kinh doanh là mục tiêu quan trọng của tất cả các ngân hàng thương mại Việt Nam. Để tăng cường hoạt động kinh doanh của ngân hàng thì tăng cường hoạt động tín dụng đặc biệt hiệu quả hoạt động tín dụng luôn được đặt ra. Các ngân hàng thương mại cần tăng cường quản trị rủi ro tín dụng tiêu chuẩn của Basel trong điều kiện hội nhập và cạnh tranh toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Báo cáo thường niên của các NHTM Việt Nam 2017-2021.

[2] Báo cáo thường niên ngân hàng nhà nước, 2017-2020.

[3] Nguyễn Minh Kiều, "Nghiệp vụ ngân hàng", NXB Lao động xã hội, 2014.

[4] P.S. Rose (2004), Commercial Bank Management 4th Edition, McGraw Hill/Irwi.

[5] Saunders, A., and Cornett, M.M. (2006), Financial Institutions Management: A Risk ManagementApproach, McGraw-Hill, Boston.

Thông tin liên hệ:

Phùng Thị Lan Hương

Điện thoại: 0912777111 - Email:plhuong@uneti.edu.vn

Khoa Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.